

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36).

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 6515/UBND-GD ngày 17/9/2021 V/v triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí năm học 2021-2022 cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông.

Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí năm học 2021-2022 cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Đối tượng, mức và thời gian hỗ trợ:

- Đối tượng hỗ trợ: Là trẻ em mầm non và học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, không phân biệt trẻ em, học sinh có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn tỉnh.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% học phí theo mức thu học phí công lập đã được quy định tại Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII- kỳ họp thứ 2 về việc quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ vùng (thành thị, nông thôn, miền núi)¹ để áp mức thu học phí cho từng cấp học theo nơi thường trú của cha mẹ (hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng) trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông. Trường hợp học sinh học tại các trường

¹ Thực hiện theo phụ lục 1 của hướng dẫn số 3153/SGDDT-KHTC ngày 13/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện một số quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do tình quản lý và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

không thuộc vùng quy định tuyển sinh, học sinh thường trú ở tỉnh ngoài thì vùng áp mức thu học phí là địa bàn xã, phường, thị trấn nơi cơ sở giáo dục đóng trụ sở.

- Thời gian hỗ trợ: Theo số tháng học thực tế năm học 2021-2022, nhưng tối đa không quá 9 tháng.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Công khai, minh bạch, đúng đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ;

- Trong cùng một thời gian, cùng một đối tượng, cùng một nội dung chính sách hỗ trợ được quy định ở nhiều văn bản khác nhau của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (chính sách miễn giảm học phí, chính sách hỗ trợ học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND) thì mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ quy định tại văn bản có mức cao nhất.

3. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ:

a) Sau khai giảng năm học 2021-2022, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND tới học sinh hoặc cha, mẹ (người giám hộ hợp pháp) của trẻ em, học sinh đang học tại cơ sở giáo dục để biết.

b) Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 5/11/2021 (đối với học kỳ 1) và từ ngày 01/3/2022 đến ngày 5/3/2022 (đối với học kỳ 2), cơ sở giáo dục tổ chức thẩm định và lập danh sách học sinh được hỗ trợ (theo Mẫu số 1) gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục cấp huyện quản lý), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục cấp tỉnh quản lý) và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập tự thực);

c) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở giáo dục. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ UBND cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không được hỗ trợ cho cơ sở giáo dục để thông báo cho đối tượng biết.

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ học phí của các cơ sở giáo dục chuyển đến, UBND cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp lập danh sách hỗ trợ (theo mẫu số 2), kèm theo Tờ trình gửi UBND cấp huyện phê duyệt; Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp theo mẫu số 2 kèm theo Tờ trình gửi UBND tỉnh phê duyệt.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ:

+ Đối với hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập: UBND cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo làm thủ tục rút kinh phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để cấp tiền cho các cơ sở giáo dục để chi trả tiền hỗ trợ học phí cho đối tượng. Sau khi chi trả tiền hỗ trợ học phí cho đối tượng, các cơ sở giáo dục lập danh sách chi trả (theo mẫu số 02) có ký nhận của đối tượng hỗ trợ hoặc người giám hộ hợp pháp chuyển cho UBND cấp xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, quyết toán.

+ Đối với hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục công lập: Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bù tiền hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục công lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác về hồ sơ, đối tượng, trình tự thủ tục để thực hiện chi trả theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Nguồn và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ:

- Đối với học kỳ I năm học 2021- 2022: Được thực hiện từ các nguồn sau:

+ Nguồn dự toán kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh đã được bố trí giao trong dự toán chi ngân sách năm 2021 (chi SN giáo dục) cho Sở Giáo dục - Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố;

+ Từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn (sau khi sử dụng nguồn dự toán còn thiếu).

- Trường hợp các nguồn kinh phí trên không đủ để thực hiện thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện, UBND cấp huyện và Sở Giáo dục - Đào tạo báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét cấp bổ sung kinh phí.

- Đối với học kỳ II năm học 2021- 2022: Trên cơ sở thực hiện hỗ trợ học kỳ I năm học 2021 - 2022, UBND cấp xã, cấp huyện và Sở Giáo dục - Đào tạo lập dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tổng hợp vào dự toán chi ngân sách năm 2022 (chi SN giáo dục) của địa phương, đơn vị để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí cho đối tượng.

b) Quyết toán kinh phí hỗ trợ

Kinh phí chi thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho đối tượng quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh được hạch, quyết toán vào chi ngân sách năm 2021 (đối với học kỳ I năm học 2021 - 2022) và năm 2022 (đối với học kỳ II năm học 2021 - 2022) của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành, cụ thể:

- Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục công lập: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân của các cơ sở giáo dục công lập theo chương, loại, khoản mục lục ngân sách quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính, Tiêu mục 7766;

- Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục tư thục do cấp xã quản lý: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách cấp xã theo Chương 822, khoản 071, Tiêu mục 7766;

- Chi hỗ trợ học phí cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập do phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: Được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách theo Chương 422, loại, khoản tương ứng, Tiêu mục 7766.

5. Một số nội dung hướng dẫn khác

Trường hợp trẻ, học sinh bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học hoặc bị đình chỉ học tập thì không được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định này đối với thời gian không học.

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Hướng dẫn này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo văn bản mới đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính để hướng dẫn bổ sung hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết (nếu vượt thẩm quyền)

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 2748/ LS-GDDT-TC ngày 28/9/2021 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đình Ngọc Sơn

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thị Thanh Lê

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT các sở: GDĐT, TC.



Mẫu số 01

Cơ sở giáo dục:

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ....NĂM HỌC 2021 - 2022 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 36/2021/NQ-HĐND

(Kèm theo Công văn/Tờ trình của))

TT	Họ tên trẻ em/học sinh	Đang học tại lớp	Nơi ở	Số tháng học (tháng)	Mức thu học phí áp dụng cho cơ sở giáo dục công lập theo quy định (đồng/tháng)	Mức thu học phí của Cơ sở giáo dục đang thu (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú

Người lập biểu

..... ngàytháng....năm
Thu trưởng cơ quan, đơn vị

Mẫu số 02



UBND cấp xã/Phòng/SỞ GDĐT:

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲNĂM HỌC 2021 - 2022 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 36/2021/NQ-HĐND

(Kèm theo Công văn/Tờ trình của))

TT	Cơ sở giáo dục/cấp học	Tổng số trẻ em/học sinh	Số tháng học (tháng)	Mức thu học phí áp dụng cho cơ sở giáo dục công lập theo quy định (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
	Tổng số					
1	Cơ sở giáo dục A					
	Mầm non					
	Tiểu học					
	Trung học cơ sở					
	Trung học phổ thông					
2	Cơ sở giáo dục A					
	Mầm non					
	Tiểu học					
	Trung học cơ sở					
	Trung học phổ thông					
...	...					

Người lập biểu

..... ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị